

Tân Thuận, ngày 25 tháng 9 năm 2025

Số: 241/QĐ-THCS&THPTTĐ

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện một số nội dung trên lĩnh vực giáo dục
trường THCS và THPT Tân Đức

Thực hiện theo Kế hoạch số 13/KH-HĐND, ngày 16/9/2025 của Ban Văn hóa-Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh về khảo sát việc thực hiện một số nội dung trên lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Cà Mau; niên độ báo cáo năm học 2024-2025 và đầu năm học 2025-2026;

Trường THCS và THPT Tân Đức xin Báo cáo theo hướng dẫn, gợi ý của đề cương, đồng thời bổ sung các nội dung bằng phụ lục kèm theo. Cụ thể như sau:

1. Tình hình lớp và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

1.1. Tình hình lớp và học sinh

- Năm học 2024-2025:

Tổng số lớp 24 và tổng số học sinh 889; sĩ số bình quân 37 hs/lớp; trong đó có 8 học sinh dân tộc thiểu số, học sinh có hoàn cảnh khó khăn 27, học sinh khuyết tật hòa nhập 0;

Khối	Số lớp	Sĩ số		Số hs/lớp	Dân tộc		Đoàn viên	Con hộ nghèo	Con hộ cận nghèo	Khuyết tật
		TS	Nữ		TS	Nữ				
Khối 6	3	112	49	37.3	1	0	0	0	2	0
Khối 7	5	162	76	32.4	2	2	0	2	5	0
Khối 8	3	111	51	37.0	1	0	1	0	2	0
Khối 9	2	64	25	32.0	1	0	12	0	0	0
Tổng cộng	13	449	201	34.5	5	2	13	2	9	0

Khối	Lớp	Sĩ số		Số hs/lớp	Dân tộc		Đoàn viên	Con hộ nghèo	Con hộ cận nghèo	Khuyết tật
		TS	Nữ		TS	Nữ				
Khối 10	4	173	84	43.3	2	1	60	1	0	0
Khối 11	4	142	70	35.5	0	0	87	0	1	0
Khối 12	3	125	55	41.6	1	1	77	1	13	0
Tổng cộng	11	440	209	40.0	3	2	237	2	14	0

- So sánh sự biến động so với năm học 2023–2024: số lớp tăng 01; số học sinh tăng 20.

- Số học sinh lên lớp 729/889hs (82%), số học sinh lưu ban 0 hs, số học sinh thi lại 55/889hs (6.2%), bỏ học 18/889hs (1.8%), chuyển trường ở các cấp học 12hs.

Khối	Số HS đã TK	Lên lớp		Lưu ban		Thi lại		Rèn luyện hè	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 6	112	99	88.39%	0	0.00%	13	11.61%	0	0.00%
Khối 7	162	154	95.06%	0	0.00%	8	4.94%	0	0.00%
Khối 8	111	105	94.59%	0	0.00%	6	5.41%	0	0.00%
Khối 9	64	64	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
TỔNG CỘNG	449	422	93.99%	0	0.00%	27	6.01%	0	0.00%

Khối	Số HS đã TK	Lên lớp		Lưu ban		Thi lại		Rèn luyện hè	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 10	173	152	87.86%	0	0.00%	21	12.14%	0	0.00%
Khối 11	142	135	95.07%	0	0.00%	7	4.93%	0	0.00%
Khối 12	125	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
TỔNG CỘNG	440	287	65.23%	0	0.00%	28	6.36%	0	0.00%

- Năm học 2025 - 2026:

- + Tổng số lớp 24 và tổng số học sinh 924 em; số bình quân 38,5 em/lớp; trong đó có 05 học sinh dân tộc thiểu số, 23 học sinh có hoàn cảnh khó khăn, không có học sinh khuyết tật hòa nhập;

- + So sánh sự biến động so với năm học 2024-2025: số lớp vẫn là 24, số học sinh tăng 35 em.

- + Số học sinh bỏ học đầu năm 12 em, chuyển trường đầu năm 08 em.

1.2. Thực trạng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Năm học 2024 - 2025:

CBQL	Giáo viên	Nhân viên	GV đạt chuẩn	GV trên chuẩn	Biên chế giao	Biên chế hiện có	Định mức QĐ	Còn thiếu
3	45	5	45 (100%)	4 (8.8%)	58	51	65	14

Các vị trí còn thiếu GV, NV:

- Giáo viên: 1 GV Hóa, 1 GV Sử, 1 GV Địa, 1 GV Anh văn, 1 GV GDKT-PL, 1 GV Tin, 1GV Toán.

- Nhân viên: 1 NV QTCS, 1 NV Thư viện, 1 NV thiết bị, 1 NV giáo vụ, 1 NV Tư vấn tâm lý học sinh, 1 NV phục vụ.

b) Năm học 2025-2026:

CBQL	Giáo viên	Nhân viên	GV đạt chuẩn	GV trên chuẩn	Biên chế giao	Biên chế hiện có	Định mức QĐ	Còn thiếu
3	45	5	45 (100%)	4 (8.8%)	58	51	65	14

Các vị trí còn thiếu GV, NV:

- Giáo viên: 1 GV Hóa, 1 GV Sử, 1 GV Địa, 1 GV Anh văn, 1 GV GDKT-PL, 1 GV Tin, 1GV Toán.

- Nhân viên: 1 NV QTCS, 1 NV Thư viện, 1 NV thiết bị, 1 NV giáo vụ, 1 NV Tư vấn tâm lý học sinh, 1 NV phục vụ.

c) Đánh giá về năng lực, chuyên môn, khả năng đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học:

- Đội ngũ nhà giáo cơ bản đã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn theo quy định. Phần lớn giáo viên có tinh thần trách nhiệm, chủ động tiếp cận và áp dụng phương pháp dạy học mới, bước đầu chuyển từ dạy học truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận giáo viên chưa mạnh dạn đổi mới, còn nặng về phương pháp truyền thống.

- Đa số giáo viên đã tham gia tập huấn, được trang bị kiến thức cơ bản để triển khai chương trình GDPT 2018 và sử dụng SGK mới. Tuy nhiên, vẫn còn sự chênh lệch giữa các vùng miền; cơ sở vật chất và thiết bị dạy học chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy.

- Giáo viên ngày càng quen thuộc với các công cụ CNTT như soạn giảng điện tử, phần mềm dạy học trực tuyến, hệ thống quản lý học tập (vnedu), sổ điểm và học bạ điện tử. Tuy vậy, hạ tầng CNTT còn hạn chế, thiếu trang thiết bị và kết nối internet ổn định. Kỹ năng xây dựng và khai thác học liệu số chưa đồng đều, việc ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá còn hạn chế.

- Nhà trường đã thực hiện kịp thời các chế độ chính sách, lương, phụ cấp, chế độ ưu đãi đối với giáo viên. Tuy nhiên, thu nhập và điều kiện sống của giáo viên vẫn còn khó khăn, chưa đáp ứng được nhu cầu và áp lực công việc. Đội ngũ nhà giáo vẫn giữ vững tinh thần trách nhiệm, song rất cần sự quan tâm hơn nữa để tạo động lực đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giảng dạy, đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới.

d) Đánh giá thuận lợi, khó khăn:

Trong năm học 2024-2025 và hướng tới năm học 2025-2026, công tác kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên có nhiều thuận lợi nhờ sự quan

tâm chỉ đạo của sở GD&ĐT và hệ thống chính sách mới. Tuy nhiên, những khó khăn về cơ cấu nhân sự, nguồn tuyển dụng, đời sống và động lực nghề nghiệp vẫn là thách thức lớn. Để đảm bảo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, cần có giải pháp đồng bộ về quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo và chính sách đãi ngộ.

2. Việc thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ giáo dục ngoài học phí (Đối với các trường có tổ chức bán trú)

2.1. Các khoản thu theo quy định nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh

Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND ngày 09/10/2020 của HĐND tỉnh Cà Mau (cũ) Quy định mức thu một số dịch vụ phục vụ hoạt động bán trú tại các trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Bạc Liêu (cũ) Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. **Không có.**

- Danh mục các khoản thu, số tiền thu (số liệu cụ thể trong năm học 2024-2025) và việc triển khai áp dụng thực hiện trong năm học 2025 -2026. Đánh giá mức thu, phương thức thu, sự công khai, minh bạch và sự đồng thuận của phụ huynh... **Không có.**

- Việc quản lý thu, chi, thanh quyết toán theo quy định. **Không có.**

- Việc thực hiện miễn, giảm tiền dịch vụ phục vụ, hỗ trợ giáo dục ngoài học phí. **Không có.**

- Những thuận lợi trong việc tổ chức thực hiện nghị quyết.- Khó khăn, bất cập trong việc tổ chức thực hiện nghị quyết. **Không có.**

2.2. Các khoản thu theo quy định Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 và Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018

- Các khoản thu theo quy định Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; việc lấy ý kiến phụ huynh, ban đại diện cha mẹ học sinh; cách thức thu – chi, quản lý, quyết toán, công khai tài chính... (nêu rõ tổng số tiền các khoản thu, chi). **Không có.**

- Các khoản vận động nguồn lực đóng góp của cộng đồng, doanh nghiệp trong xây dựng, sửa chữa trường lớp, mua sắm thiết bị, hỗ trợ hoạt động giáo dục... theo quy định Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (nêu rõ tổng số tiền các khoản vận động và kết quả chi). **Không có.**

- Khó khăn, bất cập trong việc triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung nêu trên. **Không có.**

- Các biện pháp bảo đảm công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm của nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh và tạo sự đồng thuận xã hội...

3. Trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và triển khai thực hiện dạy học 2 buổi/ngày

- Cơ sở vật chất: Số lượng phòng học (kiên cố, bán kiên cố, diện tích bình quân của phòng học), phòng bộ môn, thư viện, phòng chức năng, nhà vệ sinh, bếp ăn bán trú (nếu có), sân chơi, bãi tập...; tình hình xuống cấp, thiếu phòng học...?

+ Phòng học

Tổng số phòng học: 18 phòng

- Phòng học kiên cố: 18 phòng (100%)

- Phòng học bán kiên cố: 0 phòng (0%)

- Diện tích bình quân một phòng học: 48 m²

- Thực trạng: một số phòng xuống cấp, tường bong tróc, mái dột; diện tích chưa đảm bảo theo quy chuẩn; thiếu ánh sáng, bàn ghế chưa đồng bộ...

+ Phòng bộ môn, thư viện và phòng chức năng

- Phòng bộ môn: 0 phòng (Toán-Tin, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngoại ngữ...)

- Thư viện: có; diện tích 48 m²; số lượng đầu sách ít; tình trạng: đã cũ, xuống cấp.

- Phòng chức năng (Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học, thiết bị...): 2 phòng tin học, 1 phòng thiết bị, 1 phòng Mỹ thuật; tình trạng: đã cũ, xuống cấp.

- Thực trạng: còn thiếu phòng chuyên dụng thực hành, thí nghiệm, phòng học ngoại ngữ; trang thiết bị hạn chế; một số đã hết hạn sử dụng, xuống cấp...

+ Nhà vệ sinh, bếp ăn bán trú

- Nhà vệ sinh: 02 khu tách biệt giáo viên-học sinh; đảm bảo số lượng, vệ sinh, nước sạch...

- Bếp ăn bán trú: không có tổ chức bán trú

- Thực trạng: khu vệ sinh đã cũ, hệ thống thoát nước kém;

+ Sân chơi, bãi tập

- Sân chơi: 2200 m² (Bê tông, gạch)

- Bãi tập: 0 m² (chưa có trang thiết bị tập luyện/thể thao ...)

- Thực trạng: diện tích hẹp, chưa có mái che; mặt sân xuống cấp...

- Trang thiết bị dạy học:

+ Về trang bị: Chưa đầy đủ theo danh mục tối thiểu; nhiều thiết bị cũ, không còn phù hợp với chương trình mới.

+ Về sử dụng: Một số giáo viên chưa quen với thiết bị dạy học hiện đại (máy chiếu, phần mềm,...). Thời lượng trên lớp hạn chế, chưa phát huy hết hiệu quả thiết bị.

+ Về các môn tích hợp, trải nghiệm: Thiếu thiết bị chuyên dụng cho các hoạt động STEM, trải nghiệm sáng tạo. Cơ sở vật chất (phòng bộ môn, xưởng thực hành, khu trải nghiệm ngoài trời) chưa được đầu tư.

- Cấp thẩm quyền đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới (nêu rõ số liệu kết quả thực hiện).

+ Danh mục thiết bị chưa được cấp:

- Thiết bị môn Toán: 0 bộ (đạt 0%)
- Thiết bị môn Vật lý: 0 bộ (đạt 0%)
- Thiết bị môn Hóa học: 0 bộ (đạt 0%)
- Thiết bị môn Sinh học: 0 bộ (đạt 0%)
- Thiết bị môn Tin học: 0 bộ (đạt 0%)
- Thiết bị môn Công nghệ, Âm nhạc, Mỹ thuật, 0 bộ (đạt 0%)

+ Thực trạng: Nguồn kinh phí còn hạn chế; tiến độ mua sắm chậm so với yêu cầu; còn thiếu thiết bị phục vụ dạy học bộ môn, hoạt động tích hợp, trải nghiệm, STEM.

- Cấp thẩm quyền đầu tư sửa chữa, xây mới cơ sở vật chất trường lớp phục vụ dạy học (nêu rõ số liệu kết quả thực hiện). Các khoản sửa chữa nhỏ thường xuyên do nhà trường thực hiện...

Thực hiện theo Quyết định số 271/QĐ-UBND, ngày 21/2/2025 của UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí cải tạo, sửa chữa trường lớp năm 2025 của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

+ Số hạng mục sửa chữa (dãy 08 phòng học, khu hiệu bộ, nhà vệ sinh gv): 01 công trình, tổng kinh phí 1.161.306.000 tỷ đồng. Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng đầu năm học.

+ Các khoản sửa chữa nhỏ thường xuyên do trường thực hiện trong năm 2025:

- Số lần sửa chữa (Ti vi, đèn, quạt, bàn ghế học sinh,...): 2 lần
- Tổng kinh phí: 15 triệu đồng (nguồn chi thường xuyên)

- Triển khai sửa chữa, xây dựng nhà vệ sinh trường học theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 0318/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện xây mới, sửa chữa nhà vệ sinh các trường phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

+ Khảo sát, lập dự toán: hoàn thành 14/8/2025.

+ Trình phê duyệt, bố trí kinh phí: dự kiến trong tháng 09/2025.

+ Triển khai thi công: từ tháng 09/2025 (nếu kinh phí đã được cấp).

+ Hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sử dụng dự kiến: tháng 01/10/2025.

- Về xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia.

Đánh giá theo 5 tiêu chuẩn

+ Tổ chức và quản lý nhà trường: đã xây dựng bộ máy quản lý đầy đủ, hoạt động hiệu quả; hồ sơ quản lý được số hóa nhưng một số quy trình chưa chuẩn hóa.

+ Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh: đủ về số lượng; trình độ đạt chuẩn, tỷ lệ trên chuẩn 8.8%.

+ Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học: thiếu phòng học kiên cố, phòng bộ môn, thư viện đạt chuẩn, sân bãi; một số hạng mục xuống cấp, chưa được sửa chữa.

+ Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội: có sự phối hợp tốt, thường xuyên huy động được nguồn xã hội hóa từ các mạnh thường quân.

+ Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục: chất lượng giáo dục đại trà ổn định; tỉ lệ học sinh khá giỏi tăng; học sinh bỏ học giảm.

- Tỉ lệ học sinh bỏ học năm học 2024-2025 là 18 em/917 em đạt 1,96%.

- Xếp loại HK (T&K) năm học 2024-2025: 883/889 tỉ lệ 99.3%.

- Xếp loại HL từ TB (Đạt) trở lên năm học 2024-2025: 834/889 tỉ lệ 93.8%.

- Kết quả thi TN THPT năm học 2024-2025 (lớp 12) đạt 125hs/125hs tỉ lệ 100%.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày: Số lớp thực hiện; thuận lợi, khó khăn về cơ sở vật chất, giáo viên, kinh phí...; hiệu quả đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện...?

+ Thuận lợi:

- Cơ sở vật chất: Tận dụng một số phòng bộ môn được sử dụng linh hoạt cho tiết học buổi 2.

- Đội ngũ giáo viên: Cơ bản đảm bảo về số lượng, trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn, có tinh thần trách nhiệm.

- Kinh phí: Được hỗ trợ từ ngân sách.

- Phụ huynh học sinh: Đồng thuận, ủng hộ việc học 2 buổi/ngày nhằm tăng cường kiến thức và kỹ năng cho học sinh.

+ Khó khăn:

- Cơ sở vật chất: trường còn thiếu phòng học, thiếu phòng chức năng; nhà vệ sinh, sân bãi chưa đáp ứng khi tổ chức học cả ngày.

- Đội ngũ: một số môn trong Chương trình GDPT 2018 (Tin học, Công nghệ, Hoạt động trải nghiệm...) còn thiếu giáo viên; phân công giảng dạy buổi 2 đôi khi chồng chéo.

- Kinh phí: Nguồn hỗ trợ còn hạn chế.

- Học sinh: Một bộ phận học sinh ở xa, hoàn cảnh khó khăn chưa thể tham gia đầy đủ.

- Kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị (tổng số kinh phí được cấp thẩm quyền cấp trong năm học; tổng số tiền chi trong năm học...).

+ Tổng dự toán được cấp trong năm 2024 là: 6.265.132.000 đồng;

+ Kinh phí chi hoạt động được giao năm 2024: 605.920.000 đồng;

+ Chi hoạt động năm học 2024: 525.292.433 đồng (chi tăng giờ 282.132.475 đồng);

- Đánh giá khó khăn, bất cập trong việc triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung nêu trên.

+ Hỗ trợ kinh phí sửa chữa khẩn cấp cho các công trình xuống cấp nặng.

+ Có cơ chế linh hoạt để nhà trường được chủ động hơn trong các khoản sửa chữa nhỏ nhưng cấp thiết.

+ Tiếp tục được đầu tư cơ sở vật chất: xây thêm phòng học, phòng chức năng, thư viện, nhà vệ sinh, khu bán trú để đảm bảo điều kiện tổ chức 2 buổi/ngày.

+ Bổ sung biên chế giáo viên, đặc biệt ở các môn Tin học, Công nghệ, Hoạt động trải nghiệm, Ngoại ngữ.

+ Có chính sách hỗ trợ kinh phí thường xuyên, ổn định cho việc dạy học 2 buổi.

4. Việc triển khai thực hiện Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 về dạy thêm, học thêm

- Việc triển khai quán triệt các văn bản quy định, hướng dẫn, chỉ đạo về dạy thêm, học thêm cho cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh, học sinh trong đơn vị.

+ Nhà trường đã nghiêm túc triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện các văn bản quy định, hướng dẫn, chỉ đạo về công tác dạy thêm, học thêm; bước đầu đạt được hiệu quả, tạo sự chuyển biến trong nhận thức của giáo viên, học sinh và phụ huynh.

+ 100% cán bộ, giáo viên ký cam kết không tổ chức dạy thêm trái quy định.

- Về kết quả triển khai dạy thêm, học thêm trong trường học trong năm học 2024-2025 và phương hướng trong năm học 2025-2026.

+ Không có trường hợp giáo viên vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm trong nhà trường.

+ Phụ huynh đồng thuận và phối hợp giám sát tốt.

+ Học sinh chấp hành nghiêm túc, không có tình trạng tham gia học thêm trái phép tại trường.

+ Nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, giáo viên trong việc thực hiện quy định.

+ Trong năm học 2024-2025, công tác quản lý dạy thêm, học thêm tại trường đạt kết quả tích cực, không có vi phạm, tạo được sự đồng thuận trong toàn thể cán bộ, giáo viên, phụ huynh và học sinh.

+ Tổng số tiền chi trả cho giáo viên dạy ôn thi TN 28.800.000 đồng (trung bình 55.000 đồng/tiết).

+ Trong năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục quán triệt các quy định, tăng cường giám sát, nâng cao chất lượng giảng dạy chính khóa nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và hạn chế tối đa nhu cầu học thêm ngoài quy định.

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường-phụ huynh-học sinh để giám sát, quản lý chặt chẽ dạy thêm, học thêm.

- Khuyến khích phụ huynh đồng hành cùng nhà trường trong việc nâng cao chất lượng học tập chính khóa, giảm nhu cầu học thêm.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường phụ đạo miễn phí cho học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi trong nhà trường theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Nguồn kinh phí tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định.

- + Không thu tiền học sinh khi tổ chức dạy thêm, học thêm, thì nguồn kinh phí chủ yếu đến từ: Ngân sách chi thường xuyên của nhà trường (điện, nước, cơ sở vật chất).

- + Tinh thần trách nhiệm chuyên môn của giáo viên, được quy đổi thành điểm thi đua, khen thưởng.

- Đánh giá nhận thức và mức độ đồng thuận của giáo viên, phụ huynh và nhu cầu của học sinh đối với quy định về dạy thêm, học thêm trong trường học hiện nay; chất lượng, hiệu quả của việc dạy thêm, học thêm trong trường học...

- + Giáo viên nhìn chung đồng thuận với việc quản lý chặt chẽ, tránh tình trạng biến tướng (ép buộc học sinh học thêm chính giáo viên của mình).

- + Giáo viên mong có chính sách rõ ràng để vừa đáp ứng nhu cầu học sinh vừa đảm bảo công bằng.

- + Phụ huynh đồng thuận nếu việc dạy thêm minh bạch, tự nguyện, phục vụ nhu cầu thực sự, không ép buộc.

- Đánh giá khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện dạy thêm, học thêm trong trường học tại đơn vị.

- + Nguồn kinh phí chi bồi dưỡng cho giáo viên tham gia dạy các lớp ôn thi TN THPT và các lớp có học sinh chưa đạt.

- + Học sinh muốn học thêm nhằm nâng cao kiến thức nhưng lại không được học theo nhu cầu.

- + Học sinh chưa được ôn tập, hệ thống kiến thức từ các lớp đầu cấp mà chỉ được bồi dưỡng khi học các lớp cuối cấp.

- Phương hướng, giải pháp trong thời gian tới.

- + Tổ chức dạy và rèn ở các tiết học chính khóa.

- + Tăng cường giao bài tập về nhà cho học sinh

- + Khuyến khích học sinh tự học, tự ôn tập.

- + Cần có một cơ chế, một chính sách phù hợp cho đối tượng học sinh THPT để các nhà trường có thể chủ động ôn thi TN từ sớm, từ xa nhằm nâng cao chất lượng của trường góp phần nâng cao chất lượng của địa phương.

5. Đánh giá chung

5.1. Kết quả đạt được.

Năm học 2024-2025, trường THPT đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong dạy học, rèn luyện đạo đức, phát triển kỹ năng và hoạt động phong trào; chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng lên, góp phần khẳng định uy tín và vị thế của nhà trường.

5.2. Khó khăn, hạn chế, bất cập và nguyên nhân.

- Khó khăn, hạn chế, bất cập

+ Chất lượng giáo dục đại trà: Tuy có tiến bộ nhưng vẫn còn một bộ phận học sinh chưa chăm chỉ học tập, kết quả học tập chưa cao, đặc biệt ở các môn khoa học tự nhiên/ngoại ngữ.

+ Chất lượng mũi nhọn: Thành tích học sinh giỏi cấp tỉnh số lượng giải cao chưa nhiều; chưa có học sinh giỏi được vào đội tuyển quốc gia. Khối THCS nhà trường chưa chủ động trong việc thành lập đội tuyển HSG dự thi tỉnh.

+ Ứng dụng CNTT & chuyển đổi số: Một số giáo viên còn hạn chế trong việc sử dụng công cụ dạy học số, chưa đồng đều giữa các tổ bộ môn.

+ Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: Chưa đa dạng, một số hoạt động còn mang tính hình thức, chưa gắn kết chặt chẽ với nhu cầu thực tế của học sinh.

+ Công tác giáo dục đạo đức, kỹ năng sống: Vẫn có học sinh vi phạm nội quy, ý thức rèn luyện chưa cao, tình trạng lạm dụng mạng xã hội còn ảnh hưởng đến học tập.

+ Cơ sở vật chất: Một số phòng học, trang thiết bị thí nghiệm, phòng tin học chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học.

- Nguyên nhân

+ Điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương còn khó khăn, ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của học sinh.

+ Nguồn kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn hạn chế.

+ Áp lực từ các kỳ thi lớn khiến một số hoạt động giáo dục toàn diện chưa được chú trọng đúng mức.

+ Một bộ phận học sinh thiếu tự giác, chưa có phương pháp học tập hiệu quả.

+ Một số giáo viên chậm đổi mới phương pháp dạy học, ngại ứng dụng công nghệ.

+ Công tác quản lý, chỉ đạo đôi lúc chưa sát sao; sự phối hợp giữa nhà trường-phụ huynh-xã hội chưa thường xuyên, chặt chẽ.

5.3. Kiến nghị, đề xuất (nội dung cụ thể, kiến nghị cơ quan nào).

- Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

+ Hỗ trợ kinh phí, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị thí nghiệm, phòng học bộ môn, phòng tin học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

- Đối với Chính quyền địa phương

+ Phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, phòng chống bạo lực học đường, tệ nạn xã hội.

- Đối với Hội Cha mẹ học sinh

+ Tăng cường sự phối hợp trong công tác quản lý, giáo dục học sinh tại gia đình và nhà trường.

- Đối với Nhà trường

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý; tăng cường tổ chức các chuyên đề, hội giảng, sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

Trên đây là báo cáo Kết quả thực hiện một số nội dung trên lĩnh vực giáo dục của trường THCS và THPT Tân Đức trình HĐND tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thái Hà